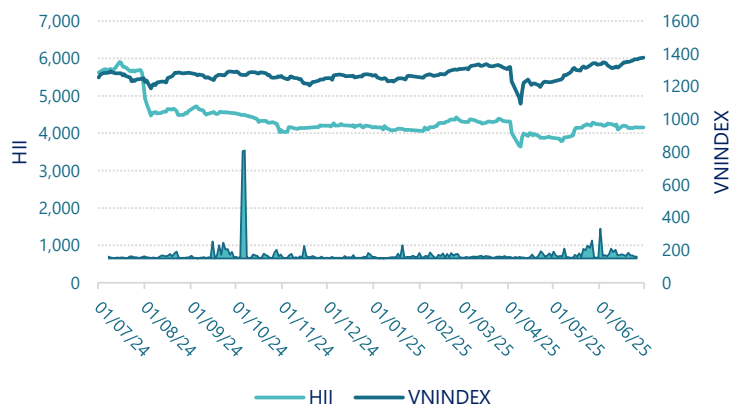


CTCP An Tiến Industries (HSX: HII)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,908
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,640
SL cổ phiếu LH	73,663,016
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,490
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	306
P/E	18.6
EPS	223

DT thuần

Q2/25

1,996

tỷ VNĐ

QoQ: ▼40.0| -2.0%

YoY: ▲323| 19.3%

LN sau thuế

Q2/25

59.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲57.9| 4786%

YoY: ▲34.8| 143%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.5%

+/- YoY: ▲1.1%

DT thuần

6T 2025

4,032

tỷ VNĐ

YoY: ▲701| 21.1%

LN sau thuế

6T 2025

60.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲5.20| 9.6%

ROE

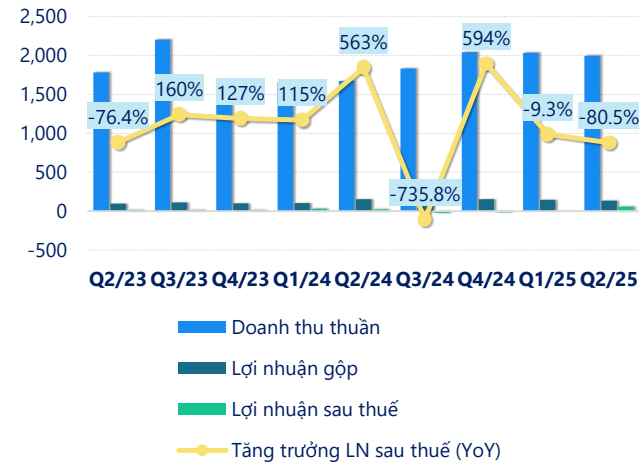
Q2/25

1.7%

+/- YoY: ▼5.4%

tỷ VNĐ

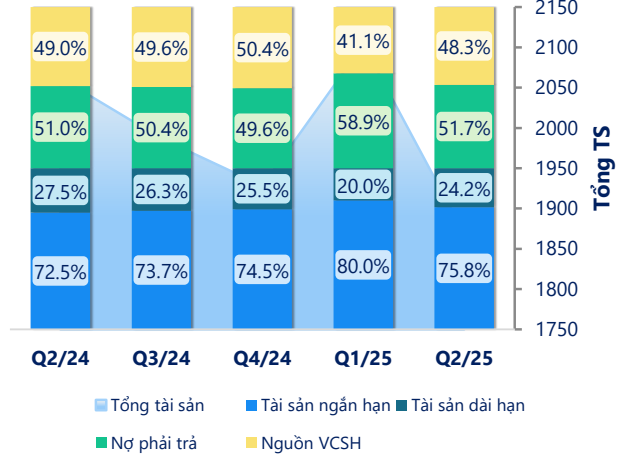
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

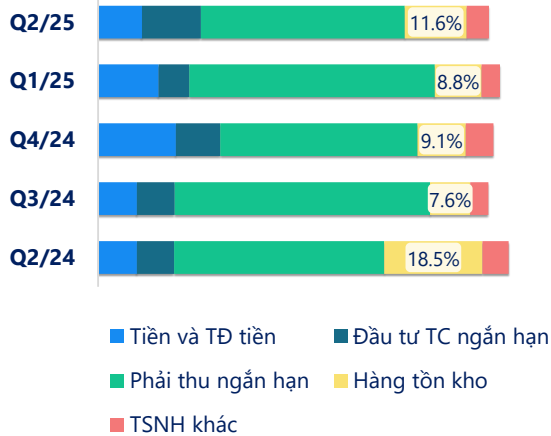
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



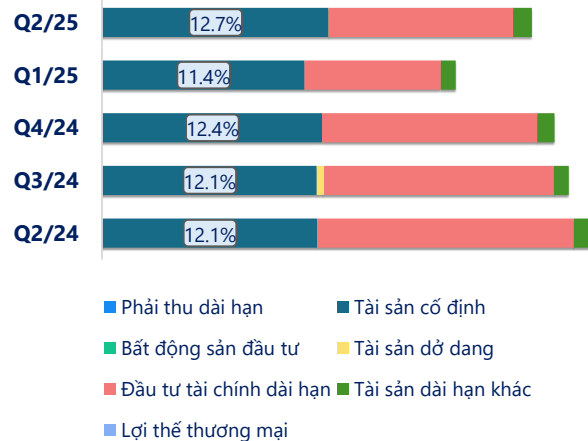
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

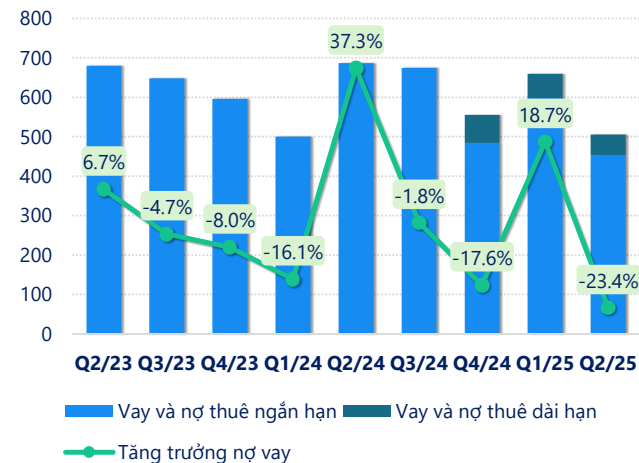
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

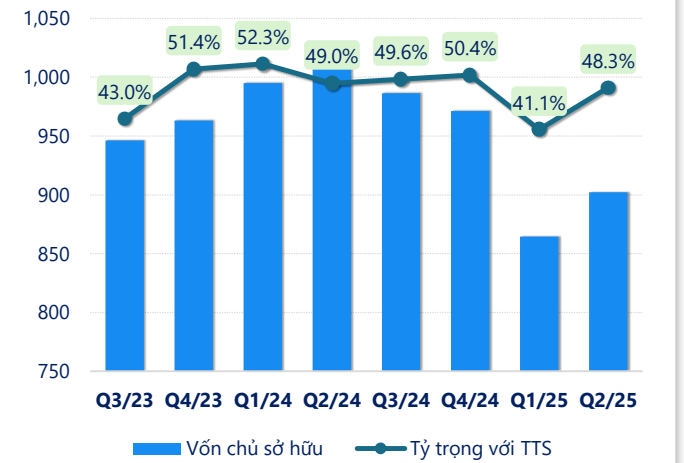
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



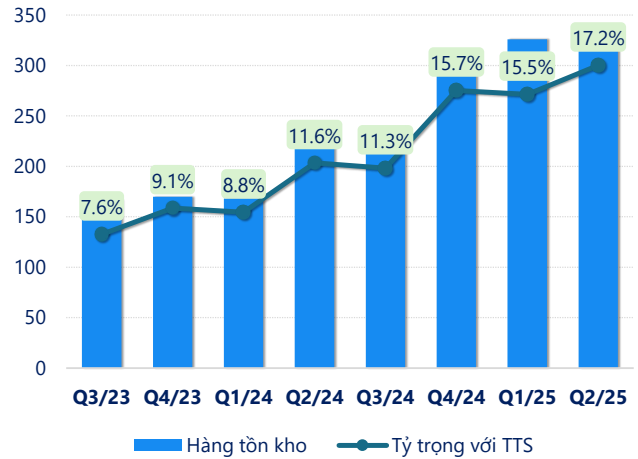
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

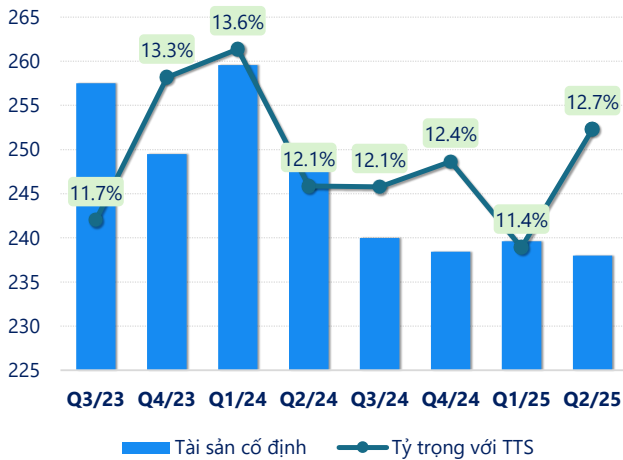

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


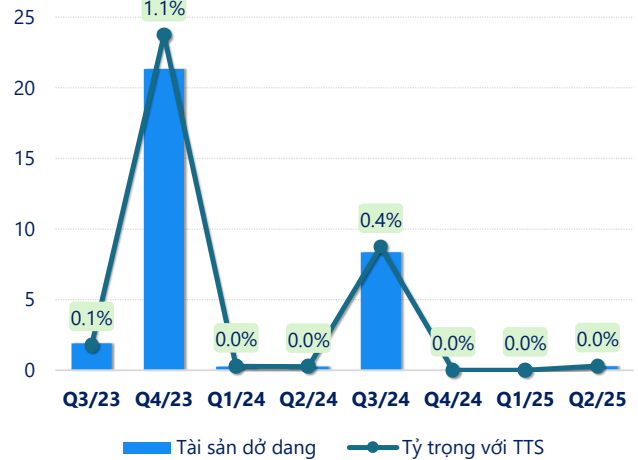
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

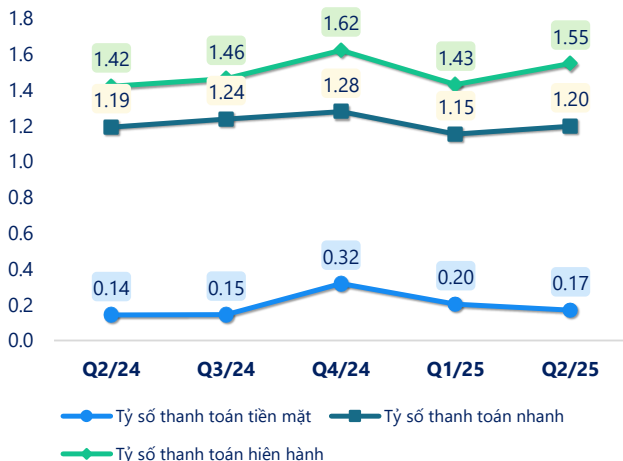
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

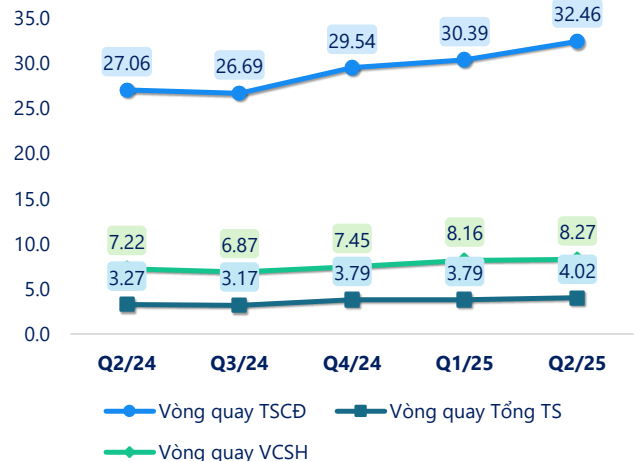
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,062	1,987	1,928	2,103	1,869
Tài sản ngắn hạn	1,495	1,463	1,436	1,684	1,416
Tiền và tương đương tiền	150	145	282	240	155
Đầu tư tài chính ngắn hạn	228	161	50.6	50.6	50.6
Phải thu ngắn hạn	791	852	735	1,001	817
Hàng tồn kho	240	225	303	326	321
Tài sản ngắn hạn khác	86.2	79.6	65.2	66.0	73.1
Tài sản dài hạn	567	523	492	420	453
Phải thu dài hạn	1.08	0.85	0.88	0.88	0.89
Tài sản cố định	249	240	238	240	238
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.26	8.35	0	0	0.27
Đầu tư tài chính dài hạn	298	257	234	162	194
Tài sản dài hạn khác	18.2	16.8	18.8	17.6	19.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,052	1,000	957	1,239	967
Nợ ngắn hạn	1,052	1,000	885	1,177	914
Vay và nợ thuê ngắn hạn	687	675	484	598	453
Phải trả người bán ngắn hạn	253	250	328	514	386
Nợ dài hạn	0.26	0.26	71.4	62.0	52.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	71.2	61.8	52.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,010	986	971	865	902
Vốn chủ sở hữu	1,010	986	971	865	902
Vốn điều lệ	737	737	737	737	737
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)